TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13-11-2024
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Mi Mi.
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Đào Thị Mộng Trinh
2/ Ông Đặng Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Kim Quy– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận.

Ngày 13 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 367/2024/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024. Về: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 01/10/2024; Quyết định Hoãn phiên tòa số 97/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/10/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Bà Thông Thị N – Sinh năm 1985.
Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận

Bị đơn : Ông Đỗ Thành D – Sinh năm1988.
Địa chỉ: Thôn 5, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Bà Nhanh có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông D vắng mặt không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 11/7/2024 và tại bản khai nguyên đơn bà Thông Thị Nhanh trình bày: Bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Đỗ Thành D. Bà và D không có tổ chức cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận vào tháng 11/2022. Sau khi đăng ký kết hôn thì bà về chung sống với gia đình chồng tại xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Thời gian vợ chồng sống chung với nhau được khoảng hơn 10 tháng thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là từ ngày 20/8/2023 vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn nhau từ việc không có tiếng nói chung, bà cảm thấy không có hạnh phúc với ông D nên thường xuyên bất đồng quan điểm, mặc dù đã nhiều lần hòa giải ở gia đình nhưng vẫn không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng không còn sống chung cho mãi đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đỗ Thành D.

Về con chung: Không có.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông Đỗ Thành D vắng mặt nên bà yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Đỗ Thành D đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng như ghi lời khai, lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đây là tranh chấp về ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại thôn 5, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng*:* Bà Thông Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Đỗ Thành D đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà và ông Đỗ Thành D cưới nhau vào năm 2022 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình. Bà N cho rằng thời gian vợ chồng sống chung với nhau

được khoảng hơn 10 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bà cảm thấy không có hạnh phúc với ông Dũng. Đến ngày 20/8/2023 vợ chồng không còn sống chung cho mãi đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đỗ Thành D.

Về phía bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho đến khi Tòa án mở phiên tòa, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông D nhưng ông D cố tình lẫn tránh, vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật được. Việc đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không thiết tha gì đến hạnh phúc và hôn nhân của mình. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa bà N, ông D thực tế đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục cuộc sống chung được. Do vậy, yêu cầu được ly hôn của bà Thông Thị N là có căn cứ nên chấp nhận.

- *Về con chung*: Vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí*:* Bà Thông Thị N phải chịu 300.000đồng án phí ly Hôn sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Ông Đỗ Thành D không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Khoản 4 Điều 91, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 146, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Thông Thị N về việc yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Thành D.

Bà Thông Thị N được ly hôn với ông Đỗ Thành D.

2. Về án phí:

Bà Thông Thị N phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bà Thông Thị N đã nộp đủ 300.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0013627 ngày 08/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên không nộp nữa.

Ông Đỗ Thành D không chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo :

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Mi Mi